

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 11/2023/DS-ST

Ngày: 09/3/2023

*“V/v tranh chấp bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Công Hạnh

2. Ông Huỳnh Khắc Hiếu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
ông Lương Công Trứ - Kiểm sát viên

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên - Cán bộ
TAND thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1979 và bà Võ Thị Mỹ P, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* ông Lưu Kim T, sinh năm 1974; Địa chỉ Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Huỳnh Thị H;

2. Ông Nguyễn Văn T;

3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959;

Đồng địa chỉ: Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

4. Ông Lê D, sinh năm 1969;
Địa chỉ: 07 đường T, phường Y, thành phố T, tỉnh Phú Yên.
Các người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Võ Thị Mỹ P trình bày được tóm tắt như sau:*

Năm 2002, vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Võ Thị Mỹ P có nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị Q tại thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên và xây dựng nhà ở (việc chuyển nhượng viết giấy tay, không thể hiện diện tích và không được UBND xã B xác nhận).

Quá trình sử dụng năm 2018, vợ chồng ông D xây dựng coi nói thêm công trình mái tôn và nền bê tông với diện tích 21m² (3m x 7m). Nhân lúc vợ chồng ông bà đi làm không có ở nhà, vào ngày 26/12/2020, ông Lưu Kim T (người cùng thôn) thuê người đưa xe múc đến ủi phá nền móng nhà, phá dỡ các trụ bê tông, hàng rào lưới B40; ngày 27/12/2020 thuê xe múc đất, đá chẻ chở đổ đi nơi nào không rõ; ngày 04/01/2021, thuê xe chở đất đá đổ vào sân nhà vợ chồng ông D. Sự việc xảy ra nêu trên vợ chồng ông D đều báo Công an xã và Ủy ban nhân dân (UBND) xã B để giải quyết và lập biên bản. Hiện trường vụ việc do ông T gây ra không còn gì, chỉ còn cái móng nhà cũ còn sót lại. Hậu quả thiệt hại mà ông T gây ra cho vợ chồng ông D như sau:

- 1/. Nền 20m² có giá trị 1.500.000đ.
- 2/. 01 móng đá chẻ dài 14m, cao 1,4m, có giá trị 4.150.000đ.
- 3/. 15m lưới rào B40, cao 1,5, có giá trị: 15m x 70.000đ/m = 1.050.000đ.
- 4/. 10 trụ bê tông cao 1,7m (diện 14cm x 0,9cm), có giá trị: 60.000/trụ x 10 trụ = 600.000đ.
- 5/. Tiền công thợ làm móng, trụ, nền: 400.000đ/công x 7 công = 2.800.000đ.

Tổng cộng giá trị tài sản bị thiệt hại là: 10.100.000đ.

Tại phiên tòa, vợ chồng ông D và bà P đồng ý với giá trị tài sản bị thiệt hại nêu trên do Hội đồng định giá tài sản đã xác định là 9.673.600đ, và đề nghị trừ bớt giá trị của 02 trụ bê tông bị hư hỏng là 120.000đ = (2 trụ x 60.000đ/trụ), còn lại 9.553.600đ = (9.673.600đ – 120.000đ). Tuy nhiên, vợ chồng ông D chỉ yêu cầu ông Lưu Kim T bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là 9.553.000đ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 29/8/2022, ngày 30/9/2022 bị đơn ông Lưu Kim T trình bày được tóm tắt như sau:*

Vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Lê Thị Mỹ P mua lại đất của vợ chồng ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị Q và xây dựng nhà ở. Cách đây khoảng hơn 02 năm, vợ chồng ông D, bà P thuê thợ xây dựng công trình trên phần đất do UBND xã B quản lý, lấn chiếm lòng lề đường khoảng 3m gây ảnh hưởng đến việc đi lại 01

số hộ dân nên ông cùng với các ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị H tháo dỡ công trình xây dựng trả lại lối đi chung cho các hộ dân trong khu vực. Ông T không có thuê xe múc ủi phá nền móng, trụ bê tông, mà do anh C (*không rõ họ tên*) ở cùng thôn tự thực hiện. Do đó, ông T không đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền 10.100.000đ cho vợ chồng ông D và bà P.

** Tại biên bản xác minh ngày 06/9/2022, biên bản làm việc ngày 28/12/2022 Ủy ban nhân dân xã B trình bày như sau:*

Vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Võ Thị Mỹ P nhận chuyển nhượng thửa đất trồng hoa màu, bạch đàn của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Q không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không thể hiện phần diện tích đất mua bán. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính đang quản lý tại UBND xã B, thửa đất mà vợ chồng ông D, bà P nhận chuyển nhượng và xây dựng nhà ở thuộc thửa đất số 762, tờ bản đồ 230A, loại đất chưa sử dụng do UBND xã B quản lý, nên ông D và bà P chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012, ông D xây dựng công trình nhà ở trên đất không có đủ điều kiện xin phép theo quy định nên UBND xã B ra quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm. Trong quá trình sử dụng, ông D coi nói xây dựng công trình mái tôn, hàng rào, nền bê tông diện tích khoảng 21m² (3m x 7m) trên phần đất giao thông do UBND xã B quản lý và bị đập phá thì ông D tự tổ chức thi công, không xin phép chính quyền địa phương, xây dựng lấn chiếm trên đất giao thông do xã quản lý....Đối với phần diện tích đất coi nói này của ông D, UBND xã chưa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính hay ra Quyết định cưỡng chế... Việc ông D lấn chiếm đất do UBND xã quản lý để xây dựng công trình (*bị ông T đập phá*), UBND xã sẽ kiểm tra và xử lý theo trình tự pháp luật quy định.

UBND xã B không có ý kiến gì về việc Tòa án xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải mà đưa vụ án ra xét xử theo pháp luật, đề nghị được vắng mặt. Tòa án căn cứ vào các biên bản làm việc trước đây để giải quyết vụ án.

** Tại phiên toà ngày 30/9/2022, người làm chứng ông Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn C cùng trình bày được tóm tắt như sau:*

Vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Võ Thị Mỹ P tự ý xây dựng công trình lấn chiếm đất do UBND xã B quản lý, gây ảnh hưởng đi lại của người dân. Mặc dù các hộ trong thôn gần nhà ông D báo cáo với chính quyền địa phương nhưng vẫn không giải quyết. Các ông không có tham gia cùng với ông T tháo dỡ công trình xây dựng của gia đình ông D. Sau khi công trình bị san bằng thì các ông cùng với người dân trong thôn cùng nhau cào đất cho bằng phẳng để trả lại đường đi cho người dân.

** Người làm chứng ông Lê D và bà Huỳnh Thị H vắng mặt nên không trình bày.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện

đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguyên đơn xây dựng công trình trái phép trên đất do UBND xã B quản lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 6, Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Lưu Kim T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã B, thành phố Tuy Hoà và người làm chứng đều vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 và 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Võ Thị Mỹ P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Về phần diện tích đất mà vợ chồng ông Nguyễn Xuân D, bà Võ Thị Mỹ P nhận chuyển nhượng và xây dựng nhà ở thuộc thửa đất số 762, tờ bản đồ 230A, loại đất chưa sử dụng do UBND xã B quản lý, chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng năm 2018, vợ chồng ông D và bà P xây dựng coi nói thêm công trình mái tôn, hàng rào, nền bê tông với diện tích 21m² (3m x 7m) trên phần đất giao thông do UBND xã B quản lý.

[5] Tại phiên tòa, ông Lưu Kim T trình bày: ông cùng với bà Huỳnh Thị H, ông Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T tham gia tháo dỡ công trình xây dựng của gia đình ông D (*đồng thời cung cấp đơn xin xác nhận của 03 người làm chứng trên*), chứ không có hành vi thuê người đưa xe múc đến ủi phá. Đối với nội dung trình bày trên không được các ông Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T thừa nhận. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai ngày 05/01/2021 của Công an xã B, ông T khai: do vợ chồng ông D xây lấn chiếm đường đi của người dân nên thuê xe múc để ủi phá nền móng, lưới B40 và 05 trụ bê tông. Do đó, lời trình bày của ông T tại phiên tòa chỉ là lời trình bày đơn phương, không có chứng cứ nào khác chứng minh; không được vợ chồng ông D, các ông C, T xác nhận nên không có cơ sở xác thực tình tiết này. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông T thuê xe múc ủi phá công trình xây dựng của vợ chồng ông D.

[6] Vợ chồng ông D và bà P xây dựng công trình diện tích khoảng 21m² (3m x 7m) trên phần đất giao thông do UBND xã B quản lý, là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất. Tuy nhiên, vợ chồng ông D vẫn chưa bị UBND xã B lập biên bản vi phạm và xử lý vi phạm hành chính do có hành vi lấn chiếm đất đai xây dựng công trình. Do đó, công trình xây dựng trên vẫn là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông D và bà P, nên vợ chồng ông D có quyền được bảo vệ quyền sở hữu của mình theo quy định tại Điều 164 của Bộ luật Dân sự.

[7] Ông T tự ý thuê xe múc ủi phá công trình xây dựng của vợ chồng ông D là xâm phạm đến tài sản của vợ chồng ông D, bà P. Do đó, vợ chồng ông D và bà P khởi kiện yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là có cơ sở.

[8] Công trình xây dựng của vợ chồng ông D hiện không còn gì được Công an xã B ghi nhận ở biên bản sự việc ngày 26/12/2020, biên bản hiện trường vụ huỷ hoại tài sản gắn liền với đất ngày 06/01/2021. Tại phiên toà, ông T không thống nhất với giá trị tài sản bị thiệt hại do vợ chồng ông D đưa ra nên Toà án đã tiến hành định giá tài sản bị thiệt hại. Tại biên bản định giá tài sản ngày 28/11/2022, Hội đồng định giá tài sản thành phố Tuy Hoà xác định giá trị thiệt hại của 20m² nền; 01 móng đá chẻ dài 14m, cao 1,4m; 15 m lưới rào B40 cao 1,5m; 10 trụ bê tông cao 1,7m (diện 14cm x 9cm) và tiền công thợ làm móng, trụ, nền tổng cộng là: 9.673.600đ. Vợ chồng ông D thống nhất giá trị tài sản thiệt hại mà Hội đồng định giá đã xác định nêu trên, nhưng đề nghị trừ bớt giá trị của 02 trụ bê tông bị hư hỏng là 120.000đ = (2 trụ x 60.000đ/trụ), còn lại 9.553.600đ = (9.673.600đ – 120.000đ). Tuy nhiên, vợ chồng ông D chỉ yêu cầu ông Lưu Kim T bồi thường tài sản bị thiệt hại là 9.553.000đ. Vợ chồng ông D yêu cầu bồi thường tài sản bị thiệt hại 9.553.000đ là thấp hơn giá trị tài sản bị thiệt hại mà Hội đồng định giá đã xác định 9.673.600đ, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông D buộc ông T phải bồi thường cho vợ chồng ông D số tiền 9.553.000đ về khoản bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

[9] Kiến nghị UBND xã B thực hiện công tác quản lý đất đai tại địa phương theo đúng quy định, xử lý đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai.

[10] Về chi phí định giá tài sản: Vợ chồng ông D và bà P tự nguyện nộp 1.500.000đ. (Đã nộp đủ).

[11] Về án phí: Ông Lưu Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 227, 228, và 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 164, 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Võ Thị Mỹ P, buộc ông Lưu Kim T phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Võ Thị Mỹ P số tiền **9.553.000đ** (*Chín triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kiến nghị UBND xã B thực hiện công tác quản lý đất đai tại địa phương theo đúng quy định, xử lý đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai.

Về chi phí định giá tài sản: Vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Võ Thị Mỹ P tự nguyện nộp 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) (*Đã nộp đủ*).

Về án phí: Ông Lưu Kim T phải chịu 477.000đ (*Bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân D và bà Võ Thị Mỹ P số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004758 ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Thu

Như vậy, phần đất vợ chồng ông D và bà P xây dựng nhà ở thuộc UBND xã quản lý, đến năm 2018, lại tiếp tục xây dựng công trình trên đất giao thông của xã mà không có sự cho phép của UBND xã, chiếm lòng lề đường làm ảnh hưởng đến lối đi chung của các hộ dân trong khu vực nên ông T mới thuê xe múc làm hư hỏng phần công trình xây dựng của vợ chồng ông D và bà P để trả lại lối đi chung cho các hộ dân, nên không phải bồi thường thiệt hại.

